

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21/02/2019.

*“V/v Tranh chấp
về hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc: *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Quốc V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trương Quốc V trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Phạm Thanh T đến và chung sống với nhau từ ngày 17 tháng 02 năm 2005, khi đến chung sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối gì nhau. Chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã N T, huyện N H, tỉnh N Đ.

Trong quá trình chung sống cả hai vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến năm 2009 không còn được hạnh phúc như xưa và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cả hai thường xuyên cãi vả chửi bới nhau. Nguyên nhân sau khi sinh con thứ hai là cháu Trương Như T, sinh năm 2009 do con bị bại não nên vợ chồng bất hòa và mâu thuẫn. Đến ngày 18 tháng 3 năm 2016 chị T đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không biết đi đâu, làm gì và tôi

cũng không có bất cứ tin tức gì về chị T. Khi đi chị T không đăng ký tạm vắng với chính quyền địa phương.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tôi đã làm thủ tục “*Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*” đối với chị Phạm Thanh T tại Đài TNVN khu vực T N, nội dung nhắn tìm chị T trong 03 số liên tiếp nhưng vẫn không có tin tức gì về vợ tôi.

Trong năm 2018 tôi tiếp tục làm thủ tục “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” đến ngày 30/11/2018 tôi được Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên họp và đồng ý.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho tôi được ly hôn với vợ tôi Phạm Thanh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và chị T có với nhau 03 con chung tên Trương Thị Anh T, sinh ngày 04/12/2005; Trương Như T, sinh ngày 29/7/2009 và Trương Bảo T, sinh ngày 14/3/2011. Hiện nay cả 03 con đang sống với tôi. Nguyên vọng của tôi xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:

Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147-BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81- Luật HNGĐ; khoản 2 Điều 68-BLDS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Quốc V, cho anh Trương Quốc V được ly hôn với chị Phạm Thanh T.

Về con chung: Giao 03 con chung Trương Thị Anh T, sinh ngày 04/12/2005; Trương Như T, sinh ngày 29/7/2009 và Trương Bảo T, sinh ngày 14/3/2011 cho anh Trương Quốc V chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh V không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Trương Quốc V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn cùng có địa chỉ tại thôn 3, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39-Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai của anh V, tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ như “*Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú*” và Quyết định “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” đồng thời thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 68-Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Quốc V và chị Phạm Thanh T khi đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc hay lừa dối gì nhau, cả hai làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau nên không tôn trọng nhau, dẫn đến mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng hơn. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ; anh V và chị T đã sống ly thân với nhau từ ngày 18 tháng 3 năm 2016 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh V làm đơn xin được ly hôn với chị T.

[4] Về quan hệ pháp luật: Anh V và chị T đến và chung sống với nhau từ năm 2005 cả hai đăng ký kết hôn số 82/2005, ngày 17 tháng 02 năm 2005 tại UBND xã N T, huyện N H, tỉnh N Đ. Như vậy có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Quốc V và chị Phạm Thanh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Anh Trương Quốc V nộp đơn xin ly hôn với chị Phạm Thanh T và cho rằng giữa anh và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân sau khi sinh con thứ hai là cháu Trương Như T do con bị bệnh bại não nên vợ chồng bất hòa và mâu thuẫn làm cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới nhau làm cuộc sống chung mâu thuẫn trầm trọng. Đến ngày 18 tháng 3 năm 2016 chị T đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không biết đi đâu, làm gì. Điều này cho thấy “Tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Quốc V.

[6] Trong thời gian chung sống anh Trương Quốc V và chị Phạm Thanh T có 03 con chung tên Trương Thị Anh T, sinh ngày 04/12/2005; Trương Như T, sinh ngày 29/7/2009 và Trương Bảo T, sinh ngày 14/3/2011. Hiện nay cả 03 con đang sống với anh V. Nguyên vọng của anh V xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy hiện nay chị T đã bỏ đi khỏi địa phương; các cháu Trương Thị Anh T, Trương Như T và Trương Bảo T có nguyện vọng ở với anh V.

Vì vậy cần giao các cháu T, T và T cho anh V để anh V chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định sau này là phù hợp với quy định tại Điều 81- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của anh V là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Trương Quốc V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56; Điều 81 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68-BLDS; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quốc V với chị Phạm Thanh T. Anh Trương Quốc V được ly hôn với chị Phạm Thanh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2005, ngày 17 tháng 02 năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã N T, huyện N H, tỉnh N Đ cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cho anh Trương Quốc V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu Trương Thị Anh T, sinh ngày 04/12/2005; Trương Như T, sinh ngày 29/7/2009 và Trương Bảo T, sinh ngày 14/3/2011 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trương Quốc V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền anh V đã nộp theo biên lai số 0004642, ngày 02 tháng 01 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Tuy Đức;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Long Ca